

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2244/QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Chương trình hành động của Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Công văn số 06-CV/VPTW ngày 29 tháng 01 năm 2016 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc gửi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Ủy ban VHGD TNTNNĐ Quốc hội;
- Các Sở VHTTDL, Sở VHTT, Sở Du lịch;
- Lưu: VT, VP (THTT)⁽¹⁰⁰⁾



Nguyễn Ngọc Thiện

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Của Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng
*(Ban hành theo Quyết định số 2244/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 6 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

Phần 1

MỤC TIÊU CHUNG

Quán triệt đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng đã được xác định tại văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, cụ thể hóa thành những nhiệm vụ cụ thể để tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ về văn hóa, gia đình, thể dục thể thao, du lịch:

“Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹.

Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân; nâng cao thành tích thể thao; chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội thể thao bãi biển Châu Á (ABG5) năm 2016 và Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 (SEA Games 31) năm 2021 tại Việt Nam.

“Có chính sách phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch với hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, sản phẩm đa dạng và tính chuyên nghiệp cao. Tạo mọi thuận lợi về thủ tục xuất nhập cảnh, đi lại và bảo đảm an toàn, an ninh. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch Việt Nam. Khai thác hiệu quả, bền vững các di sản văn hóa, thiên nhiên, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và giữ gìn vệ sinh môi trường. Phát triển các khu dịch vụ du lịch phức hợp, có quy mô lớn và chất lượng cao”².

Phần 2

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

A. VĂN HÓA, GIA ĐÌNH

I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam\Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII\Văn phòng Trung ương Đảng\tr.126

Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 BCH Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” và các chương trình, kế hoạch hành động của Chính phủ và của Ngành, đồng thời triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với sự nghiệp bảo vệ và phát huy di sản văn hóa; tăng cường công tác xã hội hóa trong lĩnh vực di sản văn hóa.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, gắn các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch.

- Nâng cao trình độ nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác chuyên môn về bảo vệ và phát huy di sản văn hóa thông qua các cuộc tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn ở trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá di sản văn hóa Việt Nam, góp phần giới thiệu và ngày càng nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

2. Xây dựng con người, lối sống văn hoá, gia đình văn hóa, đời sống văn hoá và môi trường văn hoá

- Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch dài hạn và hàng năm về xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam; xây dựng lối sống, nếp sống văn hóa; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực.

- Xây dựng và ban hành hệ giá trị chuẩn về đạo đức và lối sống của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế;

- Thực hiện có hiệu quả, chất lượng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, tổ dân phố văn hóa; nếp sống văn hóa công sở, đơn vị, cộng đồng dân cư và nơi công cộng;

- Tăng cường công tác quản lý và tổ chức lễ hội; Tuyên truyền, vận động, giáo dục trong các tầng lớp nhân dân về đạo đức, lối sống tốt đẹp, ý thức chấp hành pháp luật, phép ứng xử văn hóa trong gia đình, cộng đồng dân cư và nơi công cộng. Phối hợp tốt trong việc quản lý lĩnh vực tín ngưỡng.

- Tăng cường công tác kiểm tra thi hành pháp luật về quảng cáo; chấn chỉnh hoạt động quảng cáo. Hoàn thiện quy hoạch quảng cáo ngoài trời. Phấn

đầu đạt 100% các tỉnh/thành hoàn thành quy hoạch hệ thống cụm cổ động chính trị và quảng cáo.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ văn hóa, thể thao ở cơ sở. Phần đầu đạt 100% cán bộ làm tuyên truyền cơ sở được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, theo hướng hiện đại, khoa học và hội nhập quốc tế.

- Chuẩn hóa việc tổ chức Liên hoan, Hội thi, Hội diễn nghệ thuật quần chúng. Phần đầu đạt 100% xã có đội nghệ thuật quần chúng được Nhà nước hỗ trợ tổ chức hoạt động.

- Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về hoạt động văn nghệ quần chúng. Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các đội thông tin tuyên truyền lưu động. Phần đầu đạt 100% các quận, huyện có đội tuyên truyền lưu động được trang bị phương tiện hoạt động hoàn chỉnh.

3. Xây dựng văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Tập trung khôi phục, bảo tồn các thành tố văn hóa của tộc người: ngôn ngữ, chữ viết, trang phục, kiến trúc, phong tục tập quán, lễ hội, nghề thủ công truyền thống. Bảo tồn lễ hội truyền thống tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi: 05-10 lễ hội/năm. Bảo tồn làng, bản, buôn truyền thống tiêu biểu: 05 làng/năm. Xây dựng điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa: Từ 10 đến 15 điểm vui chơi/năm.

- Xây dựng đời sống văn hóa và môi trường văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Gắn kết chặt chẽ những hoạt động xây dựng đời sống văn hóa với nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội phù hợp với từng khu vực, từng vùng, từng dân tộc, từng tôn giáo.

- Định kỳ tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa mang tính cộng đồng (theo quy mô khu vực, toàn quốc, dân tộc...).

- Xây dựng các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ dân gian cho các dân tộc ít người (03 câu lạc bộ/năm).

- Bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu (tiếng nói, chữ viết, trang phục) của các dân tộc (03 lớp/năm).

- Bảo tồn, phát triển mô hình nghề truyền thống vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ít người 03 mô hình/năm.

- Mở lớp truyền dạy nâng cao năng lực bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống cho các nghệ nhân, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc có số dân dưới 1.000 người, 5.000 người, 10.000 người: Từ 05-06 lớp/năm.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ văn hóa thuộc xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo: Từ 03-05 lớp/năm.

- Phối hợp với các địa phương tổ chức huy động đồng bào các dân tộc về hoạt động thường xuyên và hoạt động luân phiên định kỳ tại Làng Văn hóa-Du lịch các dân tộc Việt Nam.

4. Phát triển văn học, nghệ thuật

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”, Nghị quyết số 33-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

- Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hành lang pháp lý; Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển thị trường văn học nghệ thuật; Xây dựng cơ chế đặc thù từ ngân sách nhà nước để đầu tư cơ sở vật chất phát triển nguồn nhân lực; đặt hàng sáng tác tác phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị; hỗ trợ cho bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống của dân tộc.

- Tăng cường năng lực quản lý và thực thi có hiệu quả pháp luật trên các lĩnh vực; Thực hiện việc thống kê theo dõi từng lĩnh vực hoạt động; Tổ chức thực hiện hiệu quả các Chiến lược, Quy hoạch phát triển ngành.

- Tổ chức Trại sáng tác kịch bản nhằm phát động, khích lệ sáng tác, tạo nguồn kịch bản giai đoạn 2016-2020.

- Xây dựng chế độ đãi ngộ xứng đáng đối với cán bộ, nghệ sĩ có thành tựu, có nhiều đóng góp trong sự nghiệp phát triển điện ảnh, những người hoạt động điện ảnh chuyên sâu và chuyên môn cao.

- Phát triển nhân lực đảm bảo chất lượng, số lượng, cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển. Nâng cấp chất lượng đào tạo chính quy tại các cơ sở đào tạo nghệ thuật theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại. Đa dạng hóa phương thức đào tạo; khuyến khích thành phần kinh tế tư nhân tham gia đào tạo nguồn nhân lực điện ảnh.

- Tăng cường năng lực quản lý và thực thi có hiệu quả pháp luật bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác ngăn ngừa và phòng chống vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên Internet. Xây dựng bộ chỉ số dữ liệu quốc gia về tài sản quyền tác giả, quyền liên quan và hệ thống phần mềm quản lý, phát hiện vi phạm trên mạng Internet. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

- Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động văn học nghệ thuật. Khuyến khích đầu tư phát triển công nghệ hiện đại phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới.

- Đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế trong phát triển văn học nghệ thuật.

5. Hoàn thiện thể chế và hệ thống thiết chế văn hoá

- Xây dựng và tổ chức triển khai Đề án hoàn thiện thể chế văn hóa đến năm 2020 nhằm hoạch định nội dung, phương pháp, cách thức để thực hiện mục tiêu phát triển văn hóa trong tình hình mới.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030; Đề án Nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể

thao ở nông thôn (Quyết định số 2563/QĐ-BVHTTDL ngày 3 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Về cơ chế quản lý: Từng bước chuyển đổi và phân đầu đạt 10% thiết chế văn hóa, thể thao ở nông thôn vận hành theo cơ chế quản lý tự chủ và vận dụng cơ chế tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ; 50% thiết chế vận dụng chính sách xã hội hóa trong toàn bộ hoạt động hoặc một phần hoạt động. Riêng miền núi cao, hải đảo, các xã đặc biệt khó khăn phân đầu 5% thiết chế văn hóa, thể thao chuyển đổi hình thức quản lý theo cơ chế tự chủ; 30% thiết chế vận dụng chính sách xã hội hóa trong toàn bộ hoạt động hoặc một phần hoạt động.

- Về tổ chức hoạt động thu hút người dân sinh hoạt:

Cấp thôn: Tổ chức hoạt động thu hút 50% tổng số dân đến sinh hoạt thường xuyên (riêng khu vực miền núi là 30%), trong đó đầu tư trang thiết bị và dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em.

Cấp xã: Tổ chức các hoạt động thu hút 25% tổng số dân đến sinh hoạt thường xuyên (riêng khu vực miền núi là 20%), trong đó đầu tư trang thiết bị và dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em.

Cấp huyện: 90% số đơn vị hành chính cấp huyện có Trung tâm Văn hoá - Thể thao; 30% số đơn vị hành chính cấp huyện có Nhà Thiếu nhi; 10% số đơn vị hành chính cấp huyện có Nhà Văn hóa Lao động.

Cấp tỉnh: 100% số đơn vị cấp tỉnh có Trung tâm Văn hoá; 100% số đơn vị cấp tỉnh có Cung Thiếu nhi, Nhà Thiếu nhi hoặc Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu nhi; 50% số đơn vị cấp tỉnh có Cung Văn hóa Lao động, Nhà Văn hóa Lao động; Xây dựng Trung tâm Văn hóa; Cung Thiếu nhi, Nhà Thiếu nhi; Cung Văn hóa Lao động, Nhà Văn hóa Lao động cấp Quốc gia; Khu vui chơi giải trí hiện đại tại Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các địa phương là trung tâm các vùng kinh tế trọng điểm và các đô thị loại I khác trong cả nước.

Khu chế xuất, Khu công nghiệp: 100% Khu công nghiệp, Khu chế xuất có quy hoạch quỹ đất để xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân, người lao động. Trong đó tối thiểu 30% Khu công nghiệp, Khu chế xuất đã hoạt động xây dựng được Trung tâm Văn hóa-Thể thao phục vụ công nhân, người lao động.

- 50% thôn, xã, huyện có hệ thống thiết chế văn hóa thể thao đúng tiêu chí về xây dựng nông thôn mới theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Hoạt động thư viện và văn hóa đọc

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng Luật Thư viện.

- Chỉ đạo địa phương triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể ngành thư viện (sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt); triển khai Đề án “Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng” và đẩy mạnh các hoạt động khuyến đọc, đọc sách.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người sử dụng; Tăng cường vốn tài liệu và nguồn nhân lực thông tin đáp ứng nhu cầu thông tin học tập, nghiên cứu và giải trí của người sử dụng.

- Đẩy mạnh áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin tạo điều kiện tiếp cận nguồn lực thông tin trong và ngoài thư viện.

- Tiếp tục mở rộng và phát triển các dịch vụ thư viện, chú trọng các dịch vụ có giá trị gia tăng. Triển khai phục vụ mượn liên thư viện sâu rộng hơn.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức có kiến thức và khả năng quản lý thư viện hiện đại.

- Phấn đấu đến năm 2020: 80% học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh được phục vụ và đáp ứng nhu cầu đọc sách, báo, tư liệu tại các thư viện của các cơ sở đào tạo; 20% người dân khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn được tiếp cận và sử dụng dịch vụ của hệ thống thư viện công cộng; 95% thư viện cấp tỉnh có trụ sở độc lập, có trang thiết bị hiện đại, được ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện; 35% thư viện cấp tỉnh được trang bị ô tô thư viện lưu động; 100% cơ sở giáo dục tại các cấp học có thư viện với vốn tài liệu phù hợp cho từng cấp học; 50% thư viện trong cấp học phổ thông đạt chuẩn về thư viện trường phổ thông theo quy định; 25 % gia đình có tủ sách; Bình quân đạt 0,8 bản sách/người dân trong hệ thống thư viện công cộng; mức hưởng thụ sách báo trên đầu người dân đạt 5 bản/người dân; 70% các phương tiện truyền thông đại chúng ở Trung ương và địa phương có chuyên mục giới thiệu, quảng bá sách phát vào thời điểm thuận lợi trong ngày; 100% tỉnh/thành có chương trình phối hợp giữa các ngành trong việc bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng đọc sách, tuyên truyền giới thiệu sách cũng như các hoạt động liên quan đến phát triển văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

7. Giao lưu và hội nhập văn hoá

- Quảng bá các giá trị văn hóa của dân tộc ra thế giới, làm cho thế giới hiểu biết hơn về đất nước, con người, văn hóa Việt Nam, tạo thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm văn hóa Việt Nam.

- Phát triển những loại hình, mô hình, phương thức hoạt động văn hoá đối ngoại đa dạng, hiệu quả để giới thiệu các giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới thông qua các hoạt động văn hoá nghệ thuật và truyền thông. Cụ thể là các Tuần, Ngày Văn hoá Việt Nam, các Lễ hội Văn hóa - Du lịch, các hoạt động xúc tiến, quảng bá văn hóa-du lịch tại nước ngoài, tăng cường sự hiện diện của Việt Nam tại các sự kiện văn hóa nghệ thuật quốc tế lớn.

- Thành lập một số trung tâm văn hoá ở một số khu vực trọng điểm trên thế giới để mở rộng, làm cầu nối trao đổi, hợp tác trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật và xây dựng trung tâm dịch thuật, quảng bá văn học Việt Nam ra nước ngoài. Thiết lập đội ngũ Tham tán văn hóa, Tùy viên Văn hóa tại các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài.

- Hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài tiếp nhận thông tin và sản phẩm văn hoá từ trong nước.

- Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác văn hóa đối ngoại. Hợp tác với các nước để đào tạo, bồi dưỡng tài năng văn hoá, nghệ thuật; đào tạo cán bộ chuyên môn trình độ cao.

- Xây dựng và phát triển một số Liên hoan nghệ thuật quốc tế có thương hiệu tại Việt Nam, tạo điều kiện cho công chúng Việt Nam được tiếp cận với các nền văn hóa, nghệ thuật đa dạng của thế giới.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các nước, các tổ chức quốc tế, các cơ quan văn hóa, du lịch nước ngoài giới thiệu đất nước, con người, văn hoá, du lịch tại Việt Nam. Phối hợp triển khai các Tuần Văn hoá, những sự kiện văn hóa lớn của các nước tại Việt Nam.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa đối ngoại theo hình thức xã hội hóa với sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Đưa các quan hệ quốc tế về văn hoá đã được thiết lập đi vào chiều sâu. Mở rộng quan hệ với các quốc gia, các vùng lãnh thổ, các tổ chức văn hoá quốc tế, các tập đoàn kinh tế, các cơ quan văn hóa trong khu vực và trên thế giới, hướng đến triển khai các chương trình hợp tác thực chất, hiệu quả.

8. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa

Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trên cơ sở huy động, sử dụng hợp lý các nguồn lực văn hóa, nguồn vốn trí tuệ, năng lực sáng tạo, kết hợp với công nghệ hiện đại nhằm tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ văn hóa đa dạng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa của nhân dân và xuất khẩu; đi đôi với xây dựng thị trường văn hóa, xây dựng các thương hiệu mạnh. Phần đầu doanh thu của các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp 3% GDP và tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội.

Xây dựng các quy định về tăng cường năng lực, hoạt động của các tổ chức bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan để tạo môi trường cho doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh, nâng cao đạo đức kinh doanh, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả phù hợp với thông lệ quốc tế.

a) Về điện ảnh

- Tổng kết 10 năm việc thi hành Luật Điện ảnh; rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy định của Luật Điện ảnh và các văn bản pháp quy cho phù hợp với thực tiễn, xu hướng phát triển của điện ảnh và các hiệp định, điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam đã ký kết.

- Lập đề án xây dựng Trung tâm chiếu phim hiện đại tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng; xây dựng mới và hoàn thiện Trường quay tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống rạp chiếu phim tại các địa phương theo Quy hoạch phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động điện ảnh, khuyến khích các nguồn lực xã hội đầu tư sản xuất phim. Đến năm 2020, sản xuất phim truyện Việt Nam đạt 30%-35% trên tổng số phim phát hành (trong đó có 20% số phim đặt hàng hoặc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước); tỷ trọng chiếu phim truyện Việt Nam đạt ít nhất

35% trên tổng số buổi chiếu phim trong hệ thống rạp trên cả nước; nâng cao chất lượng của Liên hoan Phim Việt Nam, xây dựng thương hiệu của Liên hoan phim quốc tế Hà Nội có uy tín trong khu vực và Châu Á.

- Tập trung đào tạo những ngành nghề chủ yếu: Đạo diễn, Nhà sản xuất, Biên kịch, Lý luận phê bình, Quay phim, Thiết kế mỹ thuật, Kỹ thuật-công nghệ, Diễn viên với các hình thức đào tạo như: bồi dưỡng nâng cao tay nghề ngắn hạn, đào tạo chính quy ở trong nước, ở nước ngoài.

b) Về nghệ thuật biểu diễn

- Xây dựng Luật Nghệ thuật biểu diễn; chính sách khuyến khích tài năng, sáng tạo, ưu đãi văn nghệ sĩ; chính sách xã hội hóa nghệ thuật biểu diễn. Xây dựng và hoàn thiện chính sách đào tạo nguồn nhân lực.

- Phát triển các cơ sở ngoài công lập dưới hai hình thức dân lập và tư nhân. Đến năm 2020, các cơ sở ngoài công lập và các nhóm tư nhân đáp ứng từ 40% đến 60% nhu cầu dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, huy động vốn từ xã hội chiếm khoảng 49%. Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang thực hiện chế độ tự chủ tài chính phù hợp với đặc điểm từng loại hình nghệ thuật. Hình thành các trung tâm trình diễn thời trang ở các thành phố lớn.

- Phát triển thị trường cho các tác phẩm sân khấu, âm nhạc, các chương trình biểu diễn. Bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống dân tộc kết hợp với các loại hình nghệ thuật đương đại tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao. Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp, ưu tiên các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực âm nhạc, chương trình biểu diễn, tổ chức sự kiện.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng những ngành nghề: Biên kịch, đạo diễn, sáng tác âm nhạc, chỉ huy dàn nhạc, tổ chức biểu diễn, sản xuất chương trình nghệ thuật, nhà kinh doanh, người dẫn chương trình, người mẫu; mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo.

c) Về mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm

- Nghiên cứu lập dự án xây dựng Bảo tàng mỹ thuật đương đại, các trung tâm hội chợ mỹ thuật; tổ chức các cuộc triển lãm mỹ thuật quốc tế và khu vực tại Việt Nam và đưa triển lãm mỹ thuật Việt Nam ra các nước.

- Khuyến khích thành lập Trung tâm giám định và đấu giá tác phẩm mỹ thuật ngoài công lập, các trung tâm thiết kế thời trang, các viện thiết kế mẫu hàng hóa, viện sơn mài Việt Nam...

- Đào tạo đội ngũ họa sĩ, nhà điêu khắc, nhà thiết kế mỹ thuật công nghiệp, mỹ thuật ứng dụng có trình độ chuyên môn cao, có tính chuyên nghiệp. Phát triển đội ngũ nghiên cứu phê bình, giám tuyển mỹ thuật có trình độ tương đương với các nước trong khu vực và thế giới; đào tạo đội ngũ sáng tác nhiếp ảnh có trình độ chuyên môn cao, có khả năng ứng dụng công nghệ hiện đại.

- Xây dựng các bộ sưu tập hình ảnh về đất nước, văn hóa, con người Việt Nam nhằm quảng bá văn hóa và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của du khách.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại tạo ra các tác phẩm nhiếp ảnh hấp dẫn, đa dạng... Đưa nhiếp ảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng với nhiếp ảnh thế giới.

- Lập dự án xây dựng nhà triển lãm có thương hiệu quốc tế về xúc tiến quảng bá, mua, bán các sản phẩm, dịch vụ văn hóa và hợp tác, liên doanh, liên kết trong sáng tạo, sản xuất, phổ biến và tiêu dùng theo định kỳ trong nước, khu vực và quốc tế.

- Tạo điều kiện để các sản phẩm, dịch vụ văn hóa tham gia các triển lãm, hội chợ có uy tín của quốc tế.

d) Về quảng cáo

- Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để hoạt động quảng cáo phát triển; thúc đẩy xã hội hóa các hoạt động quảng cáo ngoài trời; xây dựng Bộ quy tắc ứng xử nghề nghiệp quảng cáo; xây dựng cơ chế quản lý hoạt động quảng cáo giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan liên quan.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật số, công nghệ di động trong hoạt động quảng cáo.

- Đào tạo nguồn nhân lực về quảng cáo. Nghiên cứu áp dụng các chương trình đào tạo chuyên ngành quảng cáo trong trường đại học, phát triển các công ty nghiên cứu chuyên sâu về marketing và quảng cáo.

đ) Về Du lịch văn hóa

- Thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển các loại hình du lịch văn hóa, đặc biệt là du lịch di sản, du lịch tâm linh. Liên kết xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa với các nước ASEAN, liên kết vùng, địa phương.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất, các cơ sở kinh doanh, dịch vụ du lịch tại các di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, các bảo tàng, nhà hát, trung tâm chiếu bóng, làng nghề thủ công truyền thống, các điểm du lịch công nghiệp sáng tạo (trường quay, trải nghiệm các kỹ xảo điện ảnh, các trò chơi tạo cảm giác mạnh)... và điểm, khu du lịch văn hóa. Xây dựng thương hiệu du lịch quốc gia tại những nơi có di sản văn hóa và thiên nhiên được UNESCO công nhận.

- Xúc tiến, quảng bá rộng rãi sản phẩm du lịch văn hóa trong và ngoài nước; tập trung thu hút có lựa chọn các phân đoạn thị trường, khách du lịch văn hóa có khả năng chi trả cao và lưu trú dài ngày. Đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm văn hóa đáp ứng nhu cầu mua sắm của khách du lịch.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch văn hóa với trọng tâm nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên sâu văn hóa Việt Nam, đặc biệt đối với nhân lực quản lý, hướng dẫn viên, thuyết minh viên và nhân lực trực tiếp phục vụ, tương tác với khách du lịch. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề du lịch văn hóa theo tiêu chuẩn nghề ASEAN.

9. Xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc

- Tập trung thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 nhằm “Xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội”.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình, thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW gắn với chủ đề công tác gia đình “*Xây dựng nhân cách người Việt Nam từ giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình*” và Nghị quyết 113/2015/QH13 “*phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng và xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tiến bộ phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác gia đình. Thực hiện hiệu quả các đề án, chương trình đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Hoàn thiện các chỉ số, chỉ báo thu thập số liệu về gia đình, bạo lực gia đình kịp thời, chính xác phục vụ cho hoạch định chính sách về gia đình.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước của các cấp chính quyền, các đơn vị trong ngành, tập trung hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp, tạo điều kiện tốt nhất cho việc thực thi các hoạt động bảo đảm đúng pháp luật. Nghiên cứu điều chỉnh chính sách đặc thù đối với văn hóa nghệ thuật truyền thống, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện chính sách, cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành. Đặc biệt là các chính sách ưu đãi về vốn, thuế, đất đai, khuyến khích sáng tạo đối với văn nghệ sỹ, các doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, sản phẩm, dịch vụ văn hóa có chất lượng.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn cho cán bộ làm công tác văn hóa; có chính sách, cơ chế phát huy những người có uy tín, nghệ nhân, thế hệ trẻ trong việc phát triển văn học nghệ thuật.

4. củng cố, hoàn thiện hệ thống thiết chế ngành văn hóa, đồng thời tập trung đầu tư xây dựng nguồn lực con người đảm bảo cho sự phát triển của ngành. Đề nghị các địa phương quy hoạch và dành quỹ đất để xây dựng hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở, phù hợp với quy hoạch phát triển khu công nghiệp, quy hoạch phát triển đô thị, phân bố dân cư, xây dựng nhà ở và các công trình văn hóa, thể thao khác.

5. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đầu tư hơn nữa công tác đào tạo, tập huấn. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút tài năng trên các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. Có kế hoạch đào tạo cán bộ lâu dài trên cơ sở quy hoạch cán bộ của từng giai đoạn.

6. Đẩy mạnh hoạt động phối hợp liên ngành thực hiện công tác gia đình. Phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành, địa phương và lĩnh vực trong việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển ngành. Xây dựng phát triển đời sống văn hóa gắn phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng nông thôn mới.

7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và khoa học công nghệ tiên tiến vào các hoạt động văn hóa.

8. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư cho hoạt động văn hóa, thể thao và gia đình.

9. Tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và học tập kinh nghiệm các nước về phát triển văn hóa. Gắn kết các hoạt động văn hoá đối ngoại với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Phát triển hệ thống các Trung tâm Văn hoá Việt Nam ở nước ngoài tại các địa bàn trọng điểm trên thế giới.

10. Nhân rộng các mô hình tốt và tiếp tục xây dựng các mô hình mới về gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình. Tăng cường chia sẻ thông tin, bài học kinh nghiệm, các sáng kiến hay, mô hình có hiệu quả về xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, phòng, chống bạo lực gia đình.

B. THỂ DỤC, THỂ THAO

I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Đẩy mạnh việc triển khai Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về TDTT đến năm 2020 và các Chiến lược, quy hoạch phát triển TDTT đến năm 2020.

2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về TDTT đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xu thế hội nhập quốc tế.

3. Mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào TDTT cho mọi người, trọng tâm là cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Phần đầu số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 33%; số gia đình tập luyện thể dục thể thao đạt 25%; tỷ lệ học sinh tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa thường xuyên ở các cấp: tiểu học đạt 60%, trung học cơ sở đạt 70%, trung học phổ thông đạt 80%; tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ tập luyện TDTT thường xuyên đạt 100%; tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực đạt 85%.

4. Phát triển thể thao thành tích cao, từng bước theo hướng chuyên nghiệp; nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo vận động viên; phần đầu là một trong 3 nước có thành tích thể thao dẫn đầu SEA Games, từng bước tiếp cận thành tích của châu Á và thế giới ở một số nội dung Olympic, ASIAD mà nước ta có thế mạnh. Mục tiêu: Giữ vững vị trí là một trong 3 nước đứng đầu tại SEA Games 29 năm 2017, SEA Games 30 năm 2019, SEA Games 31 năm 2021; phần đầu đạt 2-3 huy chương vàng tại ASIAD 18 năm 2018; phần đầu có huy chương tại Thế vận hội Olympic 2016, phần đầu có 25 vận động viên tham dự, giành 1-2 huy chương tại Thế vận hội Olympic 2020.

5. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện viên TDTT.

6. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ về TDTT.

7. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao; phát huy vai trò của Ủy ban Olympic Việt Nam và các Liên đoàn thể thao quốc gia.

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng, các chiến lược, quy hoạch của Chính phủ về phát triển TDTT

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW (Khóa XI) của Bộ chính trị, các Chiến lược, quy hoạch phát triển TDTT giai đoạn 2015-2020.

- Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thể dục, thể thao và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.

- Sửa đổi chính sách, chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên.

2. Mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào TDTT cho mọi người

- Đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” trong các đối tượng, địa bàn, gắn với triển khai phong trào “Xây dựng gia đình văn hóa” và phong trào “Xây dựng nông thôn mới”.

- Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học; xây dựng và triển khai chương trình phối hợp phát triển TDTT với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương, chương trình phòng chống đuối nước cho trẻ em.

- Vận động các tổ chức, cá nhân đóng góp các nguồn lực để triển khai Đề án 641 (Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030).

3. Phát triển thể thao thành tích cao

- Đổi mới cơ chế tổ chức và quản lý thể thao thành tích cao ở các môn có đủ điều kiện theo hướng chuyên nghiệp, trong đó chú trọng đổi mới hệ thống thi đấu, quản lý vận động viên; hoàn thiện chính sách cho huấn luyện viên, vận động viên.

- Phát triển lực lượng vận động viên và huấn luyện viên đỉnh cao, nâng cao thành tích các môn thể thao Olympic trọng điểm và một số môn thể thao nước ta có thể mạnh để tham dự, đạt thành tích cao ở SEA Games, ASIAD và Olympic.

- Từng bước hiện đại hóa các Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia và các cơ sở nghiên cứu khoa học, y học TDTT; đầu tư xây dựng Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia tại Sa-pa, tỉnh Lào Cai.

- Tổ chức thành công Đại hội Thể thao bãi biển Châu Á lần thứ 5 năm 2016, Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ 8 năm 2018 và chuẩn bị tổ chức SEA Games 31 năm 2021.

- Tích cực triển khai các biện pháp phòng, chống tiêu cực trong hoạt động thể thao.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động TDTT

- Kiện toàn và phát huy vai trò của Ủy ban Olympic và các Liên đoàn Thể thao quốc gia theo quy định tại điều lệ của Ủy ban và các liên đoàn. Tạo cơ chế thuận lợi phát triển các hội TDTT, các trung tâm, câu lạc bộ TDTT ngoài công

lập và các doanh nghiệp tổ chức hoạt động TDTT.

- Nghiên cứu phát triển kinh tế thể thao; xây dựng cơ chế, chính sách đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, dịch vụ TDTT; sử dụng có hiệu quả các công trình TDTT công lập.

C. DU LỊCH

I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về du lịch và triển khai thực hiện chỉ đạo của Đảng, Chính phủ về phát triển du lịch

- Hoàn thiện dự thảo Luật Du lịch (sửa đổi), trình Quốc hội Khóa 14 xem xét, ban hành.

- Xây dựng các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Du lịch (sửa đổi) sau khi Quốc hội phê chuẩn, trình Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với việc triển khai thực hiện chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch của cả nước, của vùng, địa phương và quy hoạch các khu, điểm du lịch quốc gia, đảm bảo phát triển bền vững.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch ở các địa phương; kiến nghị, xử lý những vi phạm trong quá trình triển khai chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch trong cả nước.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển du lịch trong thời kỳ mới.

2. Hoạt động lĩnh vực

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong các hoạt động của các doanh nghiệp lĩnh vực, các tổ chức, cá nhân hoạt động hướng dẫn du lịch, các tổ chức, đơn vị kinh doanh khu, điểm du lịch. Thực hiện đúng kế hoạch, quy trình thủ tục hành chính và quy định pháp luật, đảm bảo thông thoáng tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

- Tổ chức các chương trình khảo sát xây dựng sản phẩm du lịch, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hướng dẫn viên, các chương trình hỗ trợ xây dựng sản phẩm du lịch ở các địa phương...

- Phối hợp, tổ chức các sự kiện trong Năm Du lịch quốc gia.

- Tăng cường công tác kiểm tra, phối hợp thanh tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước trong hoạt động kinh doanh du lịch và đảm bảo công tác an ninh, an toàn tại các điểm du lịch.

3. Hoạt động lưu trú du lịch

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, kiểm tra và giám sát chất lượng các cơ sở lưu trú du lịch.

- Bảo đảm chất lượng dịch vụ du lịch theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

- Triển khai hiệu quả công tác bảo vệ môi trường và phát triển du lịch bền vững trong cơ sở lưu trú du lịch.

- Tạo dựng được thương hiệu chất lượng của các cơ sở lưu trú du lịch, góp phần khẳng định thương hiệu điểm đến của du lịch Việt Nam.

4. Xúc tiến, quảng bá du lịch

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch Việt Nam ở trong nước và nước ngoài.

- Tập trung phát triển marketing điện tử phục vụ xúc tiến quảng bá du lịch.

- Tổ chức sản xuất ấn phẩm, vật phẩm phục vụ xúc tiến du lịch.

- Đa dạng hóa các nguồn kinh phí thực hiện các chương trình xúc tiến, quảng bá du lịch trong và ngoài nước.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục thực hiện các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới; Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 4 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch, đảm bảo an ninh an toàn cho khách du lịch; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tập trung khắc phục yếu kém, thúc đẩy phát triển du lịch...

- Tiếp tục mở rộng diện miễn thị thực cho công dân các quốc gia là đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, thị trường khách trọng điểm, thị trường khách tiềm năng đang cần khai thác (các quốc gia SNG thuộc Liên Xô cũ), Canada, Úc, New Zealand, Ấn Độ...). Phối hợp triển khai thực hiện đề án cấp thị thực điện tử cho khách du lịch quốc tế vào Việt Nam và chính sách gia hạn tạm trú cho khách đến từ các nước thuộc diện đơn phương miễn thị thực có nhu cầu tiếp tục ở lại Việt Nam du lịch quá 15 ngày nếu có doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế bảo lãnh, quản lý khách theo chương trình du lịch do doanh nghiệp tổ chức và khách có vé máy bay khứ hồi.

2. Tăng nguồn lực cho quảng bá, xúc tiến và hỗ trợ phát triển du lịch

- Hình thành Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch; xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ xúc tiến quảng bá trong và ngoài nước; cơ chế hợp tác nhà nước - tư nhân và xã hội trong xúc tiến quảng bá du lịch; chính sách huy động cộng đồng người Việt ở nước ngoài tham gia quảng bá cho du lịch Việt Nam; tạo môi trường thông thoáng, hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp xây dựng cơ chế tài chính đặc thù cho hoạt động quảng bá, xúc tiến; đầu tư mạnh mẽ từ ngân sách nhà nước cho quảng bá, xúc tiến du lịch.

- Xây dựng năng lực tập trung cho cơ quan xúc tiến du lịch quốc gia; phân định rõ chức năng quản lý nhà nước về du lịch với chức năng tổ chức thực hiện hoạt động xúc tiến du lịch quốc gia; tăng cường năng lực cho các trung tâm xúc

tiền du lịch địa phương; phát huy và đổi mới vai trò của Ban Chỉ đạo Nhà nước về Du lịch, hiệp hội nghề nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và phối hợp liên ngành, góp phần quảng bá đồng bộ thương hiệu du lịch quốc gia.

- Nghiên cứu hình thành các nhóm xúc tiến, quảng bá du lịch vùng theo nguyên tắc tự nguyện với sự tham gia của doanh nghiệp du lịch và hội nghề nghiệp du lịch để thực hiện nhiệm vụ marketing du lịch chung của vùng.

- Mở rộng và phát huy triệt để các mối quan hệ hợp tác song phương và đa phương nhằm tăng cường xúc tiến quảng bá, thu hút khách, thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ và nâng cao vị thế, hình ảnh du lịch Việt Nam.

3. Phát triển sản phẩm, kiểm soát chất lượng dịch vụ du lịch

- Tiếp tục xây dựng những sản phẩm du lịch cao cấp, phù hợp với nhu cầu, thị hướng của các thị trường này. Tập trung 4 dòng sản phẩm mà Việt Nam có thế mạnh, có khả năng khai thác (du lịch văn hóa, du lịch đô thị, du lịch biển và du lịch sinh thái).

- Tập trung đầu tư nâng cấp hoặc xây mới các cơ sở vật chất du lịch theo hướng hiện đại, đồng bộ; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch đáp ứng được những tiêu chuẩn quốc tế và nhu cầu của thị trường.

- Công tác kiểm soát chất lượng dịch vụ cần được tăng cường thẩm định theo tiêu chuẩn, kiểm tra thường xuyên, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, đăng ký về chất lượng và yêu cầu ngày càng cao để hội nhập với khu vực và thế giới.

4. Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách về quản lý chất lượng cơ sở lưu trú du lịch; hoàn thiện, soát xét, bổ sung hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn đối với các loại hình cơ sở lưu trú du lịch, đáp ứng yêu cầu hội nhập và tình hình mới.

5. Tăng cường năng lực cho cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương và địa phương và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Sở Du lịch mới được thành lập.

6. Mở rộng kết nối hàng không, đẩy nhanh phát triển cơ sở hạ tầng

Ngành Giao thông vận tải phối hợp với ngành Du lịch tập trung chỉ đạo triển khai để sớm hoàn thành các dự án đầu tư cảng du lịch, nhà ga, điểm dừng chân tại các đầu mối trung chuyển để tăng cường khả năng kết nối, rút ngắn thời gian di chuyển của khách du lịch; nâng cấp chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch trên các tuyến đường bộ, đường sắt, đường không và đường thủy nội địa.

7. Hỗ trợ doanh nghiệp du lịch

- Rà soát các quy định của pháp luật về đầu tư, kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh theo hướng nâng mức ưu đãi đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh các lĩnh vực khách sạn, lữ hành, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng nhằm tăng cường thu hút các nguồn lực đầu tư để phát triển du lịch.

- Rà soát các quy định về giao đất, thuê sử dụng đất để kiến nghị sửa đổi nhằm giảm thuế sử dụng đất và tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư cơ sở lưu trú, khu du lịch sử dụng nhiều diện tích đất cho không gian cảnh quan nhằm hỗ

trợ cho các doanh nghiệp tăng nguồn lực đầu tư, đổi mới sản phẩm, qua đó tăng khả năng cạnh tranh, thu hút khách du lịch.

8. Nâng cao nhận thức, đào tạo nâng cao chất lượng nhân lực và hội nhập quốc tế

Củng cố, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng dịch vụ, khả năng cạnh tranh bền vững của Du lịch Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh Du lịch Việt Nam sẽ cùng các ngành, lĩnh vực tham gia ngày càng sâu rộng vào Cộng đồng kinh tế ASEAN.

Phần 3 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

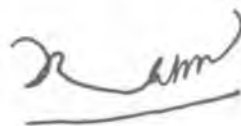
1. Trên cơ sở những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong Chương trình hành động này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ trực tiếp chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động của cơ quan, đơn vị theo kế hoạch 5 năm 2016-2021, cụ thể hoá bằng các nhiệm vụ cụ thể. Xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy hoạch, chính sách, chương trình, đề án, văn bản pháp quy theo phân công của Bộ trưởng.

2. Các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch trên cơ sở những nhiệm vụ và nội dung trong Chương trình hành động này, căn cứ điều kiện thực tiễn và tình hình cụ thể của địa phương để tham mưu cho Tỉnh uỷ, Thành uỷ, UBND tỉnh/thành xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII của Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện nghiêm túc Chương trình hành động này; định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo Bộ trưởng.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động, khi có yêu cầu sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung những nội dung cụ thể, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch kiến nghị với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Văn phòng và Vụ Kế hoạch, Tài chính) để xem xét, giải quyết. 

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Thiện

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DANH MỤC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG***(Ban hành theo Quyết định số 2244/QĐ-BVBTDL ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

STT	TÊN ĐỀ ÁN	CẤP TRÌNH	HẠN HOÀN THÀNH	PHÂN CÔNG THỰC HIỆN	
				CHỦ TRÌ	PHỐI HỢP
1.	Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Chính phủ	2017-2018	Cục DSVH	Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế, Vụ KHTC
2.	Đề án hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch	Bộ trưởng Bộ VHTTDL	2016	Cục DSVH	Các đơn vị liên quan
3.	Thành lập Ủy ban quốc gia về di tích và di chỉ Việt Nam (ICOMOS Việt Nam)		2016	Cục DSVH	Cục HTQT
4.	Đề án Khôi phục và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống, ngành nghề thủ công truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Thủ tướng Chính phủ	2017	Vụ VHDT	Các đơn vị liên quan
5.	Đề án Xây dựng chính sách đặc thù đối với người có uy tín, người làm công tác văn hóa ở vùng dân tộc thiểu số	Thủ tướng Chính phủ	2017	Vụ VHDT	Các đơn vị liên quan
6.	Đề án sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn, bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam	Thủ tướng Chính phủ	2017	Vụ VHDT	Các đơn vị liên quan

7.	Đề án bảo tồn, giữ gìn tiếng nói và chữ viết của các dân tộc có tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình phù hợp với quy định của pháp luật	Thủ tướng Chính phủ	2017	Vụ VHDT	Các đơn vị liên quan
8.	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thư viện	Chính phủ	2017	Vụ Thư viện	Các đơn vị liên quan
9.	Đề án xây dựng thư viện điện tử nhằm nâng cao khả năng cung cấp thông tin phục vụ phát triển và hội nhập	Bộ trưởng Bộ VHTTDL	2018	Vụ Thư viện	Các đơn vị liên quan
10.	Triển khai các Đề án: “Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng”; “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ”; “Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thư viện đến năm 2025, tầm nhìn 2030”		2016 - 2020	Vụ Thư viện	Các đơn vị liên quan
11.	Nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động thư viện trong phục vụ nâng cao dân trí, phát triển con người Việt Nam toàn diện	Ban Bí thư	2017	Vụ Thư viện	Các đơn vị liên quan
12.	Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống thư viện công cộng Việt Nam	Thủ tướng Chính phủ	2018	Vụ Thư viện	Các đơn vị liên quan
13.	Đề án Nâng cao trình độ nguồn nhân lực thư viện Việt Nam	Thủ tướng Chính phủ	2019	Vụ Thư viện	Các đơn vị liên quan
14.	Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, thực hiện nếp sống văn minh nơi công cộng		2017-2018	Cục VHCS	Vụ Pháp chế
15.	Tuyên truyền, vận động thực hiện chuẩn mực đạo đức, nếp sống văn hóa trong gia đình Việt Nam		2017-2018	Cục VHCS	Vụ Pháp chế
16.	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp đáp ứng thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước		2017	Cục VHCS	Vụ Pháp chế

17.	Xây dựng Nghị định về quản lý lễ hội		2017	Cục VHCS	Vụ Pháp ch
18.	Xây dựng Nghị định về quản lý hoạt động nghệ thuật quần chúng và các loại hình dịch vụ văn hóa công cộng		2017 - 2018	Cục VHCS	Vụ Pháp ch
19.	Đổi mới các hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của nhân dân trong tình hình mới.		2017 - 2018	Cục VHCS	Các đơn v liên quan
20.	Đề án Tuyên truyền nâng cao nhận thức về tín ngưỡng, lễ hội	Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2017	Cục VHCS	Các đơn v liên quan
21.	Đề án Truyền thông về phát triển Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Thủ tướng Chính phủ	2016-2020	Cục VHCS	Các đơn v liên quan
22.	Đề án truyền thông “Nâng cao nhận thức và ý thức thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan trong toàn xã hội, giai đoạn 2016-2020”.	Bộ trưởng Bộ VHTTDL	2016	Cục BQTG	Các đơn v liên quan
23.	Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác ngăn ngừa và phòng chống vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên Internet. Xây dựng bộ chỉ số dữ liệu quốc gia về tài sản quyền tác giả, quyền liên quan và hệ thống phần mềm quản lý, phát hiện vi phạm trên mạng Internet, giai đoạn 2016-2020.	Bộ trưởng Bộ VHTTDL	2016 - 2020	Cục BQTG	Các đơn v liên quan
24.	Xây dựng bộ chỉ số quốc gia đánh giá sự đóng góp của các ngành công nghiệp dựa trên bản quyền đối với nền kinh tế quốc dân, làm cơ sở xây dựng và hoạch định chính sách phát triển ngành công nghiệp văn hóa, giai đoạn 2016-2020.	Bộ trưởng Bộ VHTTDL	2016 - 2020	Cục BQTG	Các đơn v liên quan
25.	Thông tư hướng dẫn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trong các cơ sở giáo dục đại học.	Bộ trưởng Bộ VHTTDL	2016	Cục BQTG	Các đơn v liên quan

26.	Hoàn thiện thể chế pháp luật về văn hóa, gia đình giai đoạn đến năm 2020	Bộ trưởng Bộ VHTTDL	Tháng 12/2016	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan
27.	Trên cơ sở rà soát, đánh giá cán bộ, xây dựng quy hoạch cán bộ trong nhiệm kỳ mới		2017	Vụ TCCB	Các đơn vị liên quan
28.	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngành văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2016-2025		2016	Vụ TCCB	Các đơn vị liên quan
29.	Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp theo hướng bảo tồn các ngành nghệ thuật truyền thống		2018	Vụ TCCB	Các đơn vị liên quan
30.	Tiếp tục triển khai thực hiện các chế độ, chính sách (thang, ngạch, bậc) cho đội ngũ văn nghệ sĩ		2018	Vụ TCCB	Các đơn vị liên quan
31.	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút tài năng trên lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch		2018	Vụ TCCB	Các đơn vị liên quan
32.	Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức ngành văn hóa, thể thao và du lịch thông qua thực hiện tinh giản biên chế, xây dựng vị trí việc làm.		2018	Vụ TCCB	Các đơn vị liên quan
33.	Đề tài độc lập cấp Bộ: Nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của các hội phù hợp với thời kỳ mới.		2020	Vụ KHCNMT	Viện VHNTQC Việt Nam
34.	Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ: Nghiên cứu phát huy những giá trị của văn học, nghệ thuật dân tộc, mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học, tiên bộ của nước ngoài, hạn chế và đẩy lùi xâm lăng văn hóa.			Vụ KHCNMT	Viện VHNTQC Việt Nam
35.	Các giải pháp, các chính sách cụ thể nhằm ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp đạo đức xã hội trong nhà trường, gia đình và			Vụ KHCNMT	Cục Văn h cơ sở, Vụ

	xã hội.				Gia đình
36.	Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong cộng đồng, cơ quan, đơn vị; Xây dựng và nhân rộng những mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu...			Vụ KHCNMT	Cục Văn hóa cơ sở, Vụ Gia đình
37.	Quy hoạch tổng thể phát triển văn hoá, thể thao và du lịch vùng Kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Thủ tướng Chính phủ	2017	Cục Công tác phía Nam	Các đơn vị liên quan
38.	Quy hoạch tổng thể phát triển văn hoá, thể thao và du lịch vùng Tây Nguyên	Thủ tướng Chính phủ	2017-2018	Vụ KHTC	Các đơn vị liên quan
39.	Quy hoạch tổng thể phát triển văn hoá, thể thao và du lịch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2018-2019	Vụ KHTC	Các đơn vị liên quan
40.	Quy hoạch tổng thể phát triển văn hoá, thể thao và du lịch các tỉnh ven biển, đảo	Thủ tướng Chính phủ	2018-2019	Vụ KHTC	Các đơn vị liên quan
41.	Văn bản hướng dẫn tính toán định mức và thanh, quyết toán các khoản, mục chi phí về lập, thẩm định, công bố, quản lý và điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, đề án của ngành văn hoá, thể thao và du lịch		2016-2017	Vụ KHTC	Các đơn vị liên quan
42.	Chiến lược phát triển Văn hóa đến năm 2030	Bộ Chính trị	Quý I/2018	Viện VHNTQG Việt Nam	Các đơn vị liên quan
43.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Văn hóa giai đoạn 2016-2020	Thủ tướng Chính phủ	2016	Vụ KHTC	Các đơn vị liên quan
44.	Quy hoạch Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh đến năm 2030	Thủ tướng Chính phủ	Quý II/2016	Cục MTNATL	Các đơn vị liên quan
45.	Quy hoạch Tượng đài Quốc tổ Hùng Vương và danh nhân anh hùng dân tộc	Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2017	Vụ KHTC	Các đơn vị liên quan

46.	Luật sửa đổi, bổ sung Luật Điện ảnh	Quốc hội	2018	Cục Điện ảnh	Các đơn vị liên quan
47.	Chỉ thị về việc tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống gia đình	Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2016	Vụ Gia đình	Các đơn vị liên quan
48.	Dự án xây dựng tài liệu hướng dẫn chương trình và nội dung giáo dục đời sống gia đình	Bộ trưởng Bộ VH TTDL	2017-2018	Vụ Gia đình	Vụ Đào tạo, các đơn vị liên quan
49.	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu thư mục gia đình Việt Nam phục vụ cho quản lý, tác nghiệp, nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực gia đình	Bộ trưởng Bộ VH TTDL	2017-2018	Vụ Gia đình	Vụ Thư viện, các đơn vị liên quan
50.	Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thể dục thể thao		2017	Tổng cục TDTT	Các đơn vị liên quan
51.	Đề án tổng thể chuẩn bị và tổ chức Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 (SEA Games 31) năm 2021		2016	Tổng cục TDTT	Các đơn vị liên quan
52.	Đề án Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn trong thời kỳ mới”./.	Chính phủ	2016	Tổng cục Du lịch	Các đơn vị liên quan.